

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY**  
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Lê Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

+ Bà Phạm Thị Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Cảnh, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang:** Bà Nguyễn Thị Liễu, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Nguyễn C, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*Bị đơn:* Hồ B, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn C trình bày:

Bà và ông Hồ B kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95, đăng ký ngày 03/12/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Hồ B

không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình, thường xuyên uống rượu say, đánh đập vợ, con. Nhận thấy quan hệ vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ B.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ H, sinh ngày 01/8/1999, hiện đã thành niên và Hồ T, sinh ngày 03/11/2011, bà đang trực tiếp nuôi. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn, ông Hồ B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn C không yêu cầu giải quyết.

\* Đối với bị đơn Hồ B đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình xét xử vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, căn cứ các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn C, cho bà Nguyễn C ly hôn với ông Hồ B, giao con chung cho bà Nguyễn C nuôi dưỡng sau khi ly hôn, ông Hồ B không phải cấp dưỡng nuôi con.

\* Trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn C cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai ngày 01/6/2020; Đơn xác nhận nơi cư trú của Hồ B; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn C; bản sao Sổ hộ khẩu của Nguyễn C; bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy lục khai sinh con chung; Bản khai về nguyện vọng của con chung. Ông Hồ B cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: không có. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Biên bản xác minh nguyên nhân tranh chấp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Hồ B được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

Bị đơn Hồ B đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện do nguyên đơn trình bày là sự thật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn C và ông Hồ B tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95, đăng ký ngày 03/12/2003. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Hồ B không chăm lo xây dựng gia hạnh phúc gia đình, thường xuyên uống rượu say, có hành vi bạo hành gia đình làm cho cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn C và ông Hồ B có 02 con chung tên Hồ H, sinh ngày 01/8/1999 và Hồ T, sinh ngày 03/11/2011. Các con chung đang sống chung với bà Nguyễn C.

Xét thấy, con chung Hồ H đã thành niên và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý. Đối với con chung Hồ T, trong khoảng thời gian vợ chồng ly thân, bà Nguyễn C nuôi con chu đáo, thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mẹ đối với con; đồng thời con chung có bản khai thể hiện nguyện vọng sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao cho bà Nguyễn C tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn theo quy định tại các điều 58, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Nguyễn C và ông Hồ B có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Nguyễn C yêu cầu không buộc ông Hồ B cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này không trái quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình về quyền của người trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn B yêu cầu không giải quyết quan hệ tài sản chung. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét xử lý.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn C phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đồng.

[5]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn C, cho bà Nguyễn C ly hôn với ông Hồ B.

2. Về quan hệ con chung:

- Con chung Hồ H, sinh ngày 01/8/1999 đã thành niên.

- Giao con chung tên Hồ T, sinh ngày 03/11/2011 cho bà Nguyễn C trực tiếp nuôi sau khi ly hôn. Ông Hồ B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Hồ B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn C phải chịu 300.000đồng. Chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn C đã nộp (biên lai thu số 0000603 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) thành án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Hồ B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

\* **Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Lê Huy**